

Bản án số: 13/2018/DS - ST

Ngày: 15/01/2018

V/v tranh chấp:

“Hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 9, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vi Na.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đăng Vạn.
2. Ông Nguyễn Chí Quý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Dũng, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Bà Trương Thị Ngọc Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 189/2017/TLST-DS ngày 06/6/2017 về tranh chấp “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 339/2017/QĐXXST - DS ngày 27 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 231/2017/QĐST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A.

Địa chỉ: đường K, Phường y, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Nguyễn Ngọc A – sinh năm: 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Lầu 8, Tòa nhà C, đường T, Phường M, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền số 1004/UQ-QLN.17 ngày 22/11/2017).

2. Bị đơn: bà Nguyễn Thị Minh Y – sinh năm: 1961 (vắng mặt).

Địa chỉ: đường L, khu phố M, Phường L, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 5 năm 2017 của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A (viết tắt là Ngân hàng A), lời khai tại Tòa án và trong quá trình xét xử của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc A trình bày:

Căn cứ Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A, Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng số 4211103000480 ngày 08/4/2011 của bà Nguyễn Thị

Minh Y, các văn bản của bà Y ký với Ngân hàng A về việc sử dụng Thẻ tín dụng. Ngày 13/4/2011, Ngân hàng A đồng ý cấp Thẻ tín dụng cho bà Y (gọi tắt là Hợp đồng tín dụng ngày 13/4/2011), chi tiết như sau: số thẻ: 4791 3925 7010 1788 (Thẻ Visa Gold), hạn mức thẻ: 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), lãi suất trong hạn 25.8%/năm và có thể điều chỉnh theo từng thời kỳ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn (theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A). Sau khi cấp Thẻ tín dụng cho bà Y, mức lãi suất trong hạn được điều chỉnh như sau: từ ngày 13/4/2011 đến ngày 11/6/2017 là 25.8%/năm; từ ngày 12/6/2017 là 29%/năm. Trong quá trình sử dụng Thẻ tín dụng, bà Y đã không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng A theo Thông báo giao dịch hàng tháng. Do đó, ngày 03/3/2012, Ngân hàng A đã chuyển toàn bộ số nợ vốn bà Y còn thiếu là 93.509.066 đồng sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 15/01/2018, bà Y còn nợ Ngân hàng A các khoản sau: vốn 93.509.066 đồng, lãi quá hạn: 218.225.225 đồng. Tổng cộng là: 311.734.291 đồng (ba trăm mười một triệu bảy trăm ba mươi bốn ngàn hai trăm chín mươi một đồng). Để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng A, Ngân hàng A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Minh Y trả toàn bộ số tiền nợ 311.734.291 đồng (ba trăm mười một triệu bảy trăm ba mươi bốn ngàn hai trăm chín mươi một đồng), trả làm một lần cho Ngân hàng A ngay khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật và tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng ngày 13/4/2011.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Minh Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để đến Tòa án giải quyết vụ kiện nhưng bà Y đều vắng mặt không có lý do cũng như không gửi cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của bà Y đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do bà Y vắng mặt nên vụ án không thể tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: thụ lý đúng quy định theo thẩm quyền, đưa vụ án ra xét xử đúng thời hạn, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng nội dung, thành phần xét xử, đúng thời gian, địa điểm. Về nội dung: đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Thị Minh Y trả toàn bộ số tiền nợ 311.734.291 đồng (ba trăm mười một triệu bảy trăm ba mươi bốn ngàn hai trăm chín mươi một đồng), trả làm một lần cho Ngân hàng A ngay khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật và tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng ngày 13/4/2011.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: theo nội dung Đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2017, Ngân hàng A yêu cầu bà Nguyễn Thị Minh Y phải trả cho Ngân hàng A số tiền đã vay (gồm tiền vốn và tiền lãi quá hạn) mà bà Y vay theo Hợp đồng tín dụng ngày 13/4/2011, nên đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Điều 471 Bộ luật Dân sự 2005. Do bị đơn cư trú tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: bị đơn là bà Nguyễn Thị Minh Y đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên Tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3]. Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với hợp đồng vay tài sản và nghĩa vụ trả nợ:

Theo nội dung Hợp đồng tín dụng ngày 13/4/2011, Ngân hàng A đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà Y, chi tiết như sau: số thẻ: 4791 3925 7010 1788 (Thẻ Visa Gold), hạn mức thẻ: 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), lãi suất trong hạn 25.8%/năm và có thể điều chỉnh theo từng thời kỳ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, mục đích để tiêu dùng cá nhân. Sau khi cấp Thẻ tín dụng cho bà Y, mức lãi suất trong hạn được điều chỉnh như sau: từ ngày 13/4/2011 đến ngày 11/6/2017 là 25.8%/năm; từ ngày 12/6/2017 là 29%/năm. Việc hai bên thỏa thuận mức lãi suất nêu trên là phù hợp với quy định tại Điều 4 và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

Do bà Y vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 03/3/2012, Ngân hàng A đã chuyển toàn bộ số nợ vốn còn thiếu là 93.509.066 đồng sang nợ quá hạn. Kể từ đó đến nay, bà Y không thanh toán số tiền nợ nêu trên. Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập bà Y đến Tòa án để giải quyết nhưng bà Y đều vắng mặt và không gửi ý kiến, giấy tờ tài liệu liên quan đến tranh chấp nêu trên cho Tòa án. Do đó, Ngân hàng A yêu cầu Tòa án buộc bà Y phải trả toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 15/01/2018 gồm các khoản sau: vốn 93.509.066 đồng, lãi quá hạn: 218.225.225 đồng. Tổng cộng là: 311.734.291 đồng (ba trăm mười một triệu bảy trăm ba mươi bốn ngàn hai trăm chín mươi một đồng), trả một lần cho Ngân hàng A ngay khi Bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Minh Y phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 15.586.714 đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9.

Ngân hàng A không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 471 và Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

Áp dụng Điều 4 và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A buộc bà Nguyễn Thị Minh Y phải trả toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 15/01/2018 là: vốn 93.509.066 đồng, lãi quá hạn: 218.225.225 đồng. Tổng cộng là: 311.734.291 đồng (ba trăm mười một triệu bảy trăm ba mươi bốn ngàn hai trăm chín mươi một đồng), trả một lần cho Ngân hàng TMCP A ngay khi Bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Minh Y phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 15.586.714 đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9.

Ngân hàng TMCP A không phải chịu án phí. Ngân hàng TMCP A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.956.724 đồng theo Biên lai thu số AA/2016/0002831 ngày 31/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tp. HCM;
- VKS Q.9;
- Chi cục THADS Q9;
- Các đương sự;
- Lưu hồ Sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vi Na